

Số: 2150/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 12 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ
lĩnh vực Lao động - Tiền lương, Quản lý lao động ngoài nước, Lưu trữ,
Việc làm, An toàn vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của
Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐCP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 641/QĐ-BNV ngày 09/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và Thông tư số 09/2026/TT-BNV các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 886/TTr-SNV ngày 11/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Lao động - Tiền lương, Quản lý lao động ngoài nước, Lưu trữ, Việc làm, An toàn vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (kèm theo Danh mục).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính được nêu tại khoản 1 Điều này *(kèm theo Quy trình)*.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026, trừ trường hợp tại khoản 2 Điều này.

2. Đối với Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước: Cấp tỉnh (mã số: 1.015021.H12) và cấp xã (mã số: 1.013734.H12) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/6/2026.

3. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công khai, không công khai Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình được nêu tại Điều 1 Quyết định này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo đúng quy định, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (BGĐ, CVKSTTHC);
- Lưu: (BH-15), VT.KT235/26.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Luân

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG; QUẢN LÝ
LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ,
SỞ NỘI VỤ, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 2150 /QĐ-UBND ngày 12/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

*** CÁCH THỨC THỰC HIỆN**

- **Cấp tỉnh:** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến Sở Nội vụ tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cà Mau (*điểm tiếp nhận 1: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau; điểm tiếp nhận 2: đường Nguyễn Văn Linh, khóm 10, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau*) hoặc gửi qua Dịch vụ bưu chính công ích; hoặc gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).
- **Cấp xã:** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc gửi qua Dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).
- **Thời gian tiếp nhận:** Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:
 - + Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.
 - + Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I.	Lĩnh vực lao động - tiền lương						
1	1.000414.000.00.00.H12	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	- Đối với việc chấp thuận rút tiền ký quỹ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Thời gian 08 ngày làm việc (Cắt giảm 02/10 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - Đối với việc cho doanh nghiệp cho thuê lại rút tiền ký quỹ	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Nội vụ; Ngân hàng nhận ký quỹ . - Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh	Không quy định	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội Khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.000414” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			của Ngân hàng nhận ký quỹ: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.			Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.	
II. Lĩnh vực Quản lý Lao động ngoài nước							
2	1.015021. H12	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập	Thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Nội vụ. - Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.	Không quy định	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội Khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.015021” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Nghị định 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. - Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. - Thông tư số 09/2026/TT-BNV ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Quản lý Lao động ngoài nước							
1	1.013734. H12	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	Thời gian 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày làm việc, tỷ lệ 40%) kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người lao động.	Không quy định	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương - Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ. - Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. - Thông tư số 09/2026/TT-BNV ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013734” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tổng số TTHC: 03 TTHC (cấp tỉnh: 02 TTHC, cấp xã: 01 TTHC).

Ghi chú: Các thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 11/4/2025; Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 và Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC; LƯU TRỮ;
VIỆC LÀM, AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG, LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 2150 /QĐ-UBND ngày 12/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ TTHC	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương hết hiệu lực
I.	Quản lý lao động ngoài nước			
1	1.013733. H12	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại tại Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.
II.	Lĩnh vực Lưu trữ			
2	1.013934. H12	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định 1487/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

III.	Lĩnh vực việc làm				
3	2.002824. H12	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.	
4	2.002825. H12	Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm			
5	2.002826. H12	Gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm			
6	2.002827. H12	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm			
7	2.002828. H12	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm			

IV.	Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động			
8	2.000134. 000.00.00 H12	Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.		
9	1.005449. 000.00.00 H12	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

10	1.005450. 000.00.00 H12	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.
V. Lĩnh vực Lao động - Tiền lương				
11	1.000479. 000.00.00 H12	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành
12	1.000448. 000.00.00 H12	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		

13	1.000464. 000.00.00 H12	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành
14	1.000436. 000.00.00 H12	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		

Tổng số: 14 TTHC cấp tỉnh./.

QUY TRÌNH
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC LAO
ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG, QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ,
SỞ NỘI VỤ, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số 2150 /QĐ-UBND ngày 12/6/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực Lao động - tiền lương

1. Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động (Mã số TTHC: 1.000414.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Thời gian 08 ngày làm việc (cắt giảm 02/10 ngày làm việc, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trong đó:

- Sở Nội vụ: 05 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân: 03 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

- Quy trình giải quyết tại Sở Nội vụ

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, *(trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân)*; nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 2: *Chuyên viên Phòng Việc làm* tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, thẩm định hồ sơ *(trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ)*, khi đầy đủ hồ sơ *Chuyên viên Phòng Việc làm tham mưu Lãnh đạo Phòng Việc làm* trình lãnh đạo Sở Nội vụ ký văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 4,5 ngày làm việc.

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, kiểm tra, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Nội vụ, hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng theo quy định: 2,75 ngày làm việc.

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về *Trung tâm Phục vụ hành chính tỉnh* thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

***Ngân hàng nơi nhận ký quỹ:** Cho doanh nghiệp rút tiền ký quỹ kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, hợp lệ: 01 ngày làm việc.

II. Lĩnh vực Quản lý Lao động ngoài nước

1. Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập (Mã số TTHC: 1.015021. H12)

a. Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

- Tại Sở Nội vụ: 02 ngày làm việc;
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 01 ngày làm việc.

b. Quy trình Giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nội vụ**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nội vụ để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Việc làm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển Lãnh đạo Phòng Việc làm xem xét, trình lãnh đạo Sở Nội vụ ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 1,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Nội vụ, hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 0,75 ngày làm việc (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. Lĩnh vực Quản lý Lao động ngoài nước

1. Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết (Mã số TTHC: 1.013734.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày, tỷ lệ 40%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

b) Quy trình giải quyết:

+ Bước 1: Công chức trực tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về công chức phụ trách lĩnh vực (Văn hóa xã hội) cấp xã: 0,25 ngày.

+ Bước 2: Công chức phụ trách lĩnh vực (Văn hóa xã hội) cấp xã tiếp nhận hồ sơ (chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan), hoàn thiện hồ sơ (nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý), tham mưu trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận kết quả giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định: 2,5 ngày.

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, chuyển hồ sơ, kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

Ghi chú: Các Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Danh mục kèm theo Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 11/4/2025; Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 và Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Lưu ý: Đối với các Quy trình liên thông như trên đơn vị nào nhận hồ sơ đầu vào xuất phiếu hẹn phải đảm bảo tổng thời gian thực hiện hết các Quy trình (từ khi nhận hồ sơ đầu vào đến khi kết thúc các quy trình, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân) và để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trước 01 buổi. Đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng theo Quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử theo quy định./.